

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-02-2020
V/v “TrA chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn”.

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đỗi
Ông Nguyễn Chí Lin

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Kiều Thị Tùng Khương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1261/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “TrA chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1992; (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H là Luật sư **Lê Tấn Phát** – Văn phòng luật sư Đ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hoàn A**, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2019, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị H trình bày: Vào năm 2014, bà và ông Nguyễn Hoàn A kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 34/2014 do Ủy ban Nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Long An cấp vào ngày 05/4/2014. Sau khi kết hôn, bà và ông A sống tại ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc. Đến năm 2017, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng

quA1 điểm sống. Từ đó, bà bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp Q, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long sinh sống từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng A.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông A có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng A1, sinh ngày 10/9/2014, giới tính: Nam. Hiện tại con chung đA1g sống chung với ông A. Khi ly hôn, bà đồng ý để ông A nuôi con và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Bà xác định bà và ông A không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định bà và ông A không có nợ ai.

Tại bản tự khai nội dung vụ việc ngày 13/02/2020, bị đơn là ông Nguyễn Hoàng A trình bày: Ông đồng ý ly hôn với bà H. Về con chung: Ông xác định có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng A1 do ông đA1g nuôi dưỡng trực tiếp. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Ông xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn có ý kiến như sau: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tại bản tự khai nội dung vụ việc ngày 13/02/2020, bị đơn cũng có ý kiến đồng ý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] QuA1 hệ pháp luật trA chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Huỳnh Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng A. Ông A hiện đA1g cư trú tại xã Hòa Khánh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long A1. QuA1 hệ pháp luật trA chấp trong vụ án này là trA chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long A1 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là ông Nguyễn Hoàng A có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Huỳnh Thị H:

[4.1] Về hôn nhân: Xét thấy, bà H và ông A tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 34/2014 đăng ký ngày 05/4/2014 do Ủy ban nhân dân xã Hòa Khánh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cấp, nên xác định hôn nhân giữa bà H và ông A là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quá trình chung sống giữa bà H và ông A có phát sinh mâu thuẫn. Bà H yêu cầu được ly hôn với ông A và ông A cũng đồng ý. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà H và ông A là có thật, cả bà H và ông A đều xin vắng mặt tại phiên tòa, chứng tỏ cả hai cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, càng chứng tỏ rằng qua hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông A là có cơ sở, nên chấp nhận xử cho bà H được ly hôn với ông A là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Tại thời điểm xét xử, con chung tên là Nguyễn Hoàng A1, sinh ngày 10-9-2014 chưa đủ 07 tuổi, nên Tòa án không lấy ý kiến nguyện vọng của con chung muốn sống với ai. Xét thấy, hiện tại con chung do ông A trực tiếp nuôi dưỡng và bà H cũng tự nguyện để ông A trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông A cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, trên cơ sở ý kiến của các đương sự và nguyện vọng của con chung, nên giao cháu Nguyễn Hoàng A1 cho ông A được quyền tiếp tục chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A1 đã thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của ông A không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

[4.3] Về chia tài sản: Bà H và ông A đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.4] Về nợ chung: Bà H và ông A đều xác định không có nợ ai, nên Hội đồng không xem xét.

[5] Xét lời đề nghị của Luật sư là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Buộc bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H về việc “TrA chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” đối với ông Nguyễn Hoàng A.

1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng A

2. Về nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Hoàng A được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Hoàng A1, sinh ngày 10-9-2014, giới tính: Nam. Bà Huỳnh Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bà Huỳnh Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004228 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Huỳnh Thị H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TA1D tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Long An; (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Tiên Phương